TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2026/DS-ST
Ngày: 10-8-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Duy Thị Anh Phương

2. Bà Lê Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Lý Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ánh D, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố X (nay là tổ dân phố A), phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố T (nay là tổ dân phố P), phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản uỷ quyền ngày 14/3/2026). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thu B, sinh năm 1956 địa chỉ: Tổ dân phố A1 (nay là tổ dân phố P1), phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2026, biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2026, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh D và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Qua quá trình quen biết nên chị Phạm Thị Ánh D có cho bà Trần Thị Thu B vay tiền nhiều lần (tất cả các giao dịch cho vay tiền, trả tiền đều thực hiện thông qua hình thức chuyển khoản). Từ ngày 13/5/2024 đến ngày 22/10/2024 chị D đã chuyển khoản cho bà Trần Thị Thu B vay tiền 32 lần, với tổng số tiền vay là 5.800.000.000đồng.

Từ khi vay tiền đến nay, bà Trần Thị Thu B đã chuyển khoản trả nợ cho chị Phạm Thị Ánh D 50 lần, với tổng số tiền là 4.490.790.000đồng. Bà Trần Thị Thu B còn nợ chị Phạm Thị Ánh D tổng số tiền là 1.309.210.000đồng.

Khi vay tiền thì hai bên thoả thuận miệng chị D cho bà Trần Thị Thu B vay để giải quyết đáo hạn ngân hàng cho người khác và sẽ trả lại cho chị D trong thời hạn 01 tháng. Tuy nhiên, khi đến hạn chị D đã nhiều lần yêu cầu, thông báo yêu cầu trả nợ nhưng bà B chỉ hứa hẹn, không chịu trả.

Khi chị D chuyển khoản cho bà Trần Thị Thu B vay số tiền nêu trên thì chồng bà B không biết, thực tế chị D cũng không biết bà Trần Thị Thu B sử dụng tiền vay của chị D để làm gì. Trước đây chị D có gặp chồng bà Trần Thị Thu B một lần để yêu cầu trả khoản nợ nêu trên nhưng chồng bà B nói không biết việc bà B vay tiền của chị D và không biết bà B vay tiền để làm gì nên không đồng ý có nghĩa vụ trả nợ cùng với bà B. Hiện nay, chị D cũng không có căn cứ chứng minh bà Trần Thị Thu B vay tiền của chị D để phục vụ cho việc kinh doanh, buôn bán, phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình nên chị D chỉ yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Trần Thị Thu B phải trả cho chị Phạm Thị Ánh D số tiền 1.309.210.000đồng; chị D không yêu cầu trả lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn bà Trần Thị Thu B nhưng bà B không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; không tham gia phiên toà, phiên họp theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ánh D. Buộc bà Trần Thị Thu B

phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Ánh D số tiền 1.309.210.000đồng. Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phạm Thị Ánh D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Thu B thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Trần Thị Thu B có nơi cư trú tại Tổ dân phố A1 (nay là tổ dân phố P1), phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Trần Thị Thu B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp (Sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có từ ngày 01/5/2024 đến ngày 31/10/2024 của Ngân hàng TMCP Quân Đội và sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/10/2024 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam), ý kiến trình bày của nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh D và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định: Bà Trần Thị Thu B có vay tiền của chị Phạm Thị Ánh D nhiều lần thông qua hình thức chuyển khoản với tổng số tiền là 5.800.000.000đồng. Từ khi vay tiền đến nay, bà Trần Thị Thu B đã chuyển khoản trả cho chị Phạm Thị Ánh D nhiều lần, với tổng số tiền là 4.490.790.000đồng, còn nợ chị Phạm Thị Ánh D tổng số tiền là 1.309.210.000đồng.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh D và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xác định toàn bộ số tiền mà chị D cho bà B vay nêu trên là tiền cá nhân của chị D; chị D không biết bà B sử dụng số tiền đã vay của chị vào mục đích gì, chồng của bà B không biết việc bà B vay

tiền của chị D và không đồng ý cùng bà B trả số nợ nêu trên cho chị D nên chị D chỉ yêu cầu cá nhân bà Trần Thị Thu B trả số tiền còn nợ nêu trên cho chị D.

[2.3] Mặc dù tất cả các giao dịch vay mượn tiền, trả nợ giữa chị Phạm Thị Ánh D và bà Trần Thị Thu B đều được thực hiện thông qua chuyển khoản, không thể hiện rõ thời hạn trả nợ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị D cho rằng khi vay tiền, hai bên thoả thuận bà B sẽ trả lại cho chị D trong thời hạn 01 tháng, chị D đã nhiều lần yêu cầu bà B trả cho chị D số tiền còn nợ nhưng bà B không trả.

[2.4] Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu giao nộp tài liệu chứng cứ và các văn bản tố tụng khác cho bà Trần Thị Thu B nhưng bà B không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia các phiên họp, phiên toà. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh D không phải chứng minh các tình tiết, sự kiện mà chị D đã đưa ra.

[2.5] Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ xác định toàn bộ số tiền bà Trần Thị Thu B đã vay và còn nợ của chị Phạm Thị Ánh D là khoản nợ riêng của bà B; hợp đồng vay tài sản của bà B với chị D là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và không có lãi. Việc bà B không trả khoản nợ nêu trên cho chị D khi đến hạn và đã có thông báo yêu cầu trả nợ của chị D là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Thu B trả cho chị D tổng số tiền 1.309.210.000đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về tiền lãi: Nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ánh D được Tòa án chấp nhận với số tiền là 1.309.210.000đồng nên bị đơn bà Trần Thị Thu B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà B phải chịu là: 36.000.000đồng + (3% x 509.210.000đồng) = 51.276.000đồng.

Bà Trần Thị Thu B là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bà B không có đơn đề nghị miễn án phí theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên Hội đồng xét xử không xem xét miễn án phí cho bà B.

Chị Phạm Thị Ánh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị Ánh D số tiền 25.638.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị D đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, các điều 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ánh D.

2. Buộc bà Trần Thị Thu B phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Ánh D số tiền 1.309.210.000đồng (một tỷ ba trăm linh chín triệu hai trăm mười nghìn đồng).

3. Về tiền lãi: Chị Phạm Thị Ánh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

Bà Trần Thị Thu B phải chịu 51.276.000đồng (năm mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị Ánh D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị D đã nộp là 25.638.000đồng (hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000646 ngày 11/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có các quyền,

nghĩa vụ theo quy định tại các điều 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV6 – Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong